

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi vịt giống, quy mô 100.000 con vịt đẻ và 8.000.000 con vịt giống/năm” tại buôn Vân Kiều, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh “Về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh “Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư”, cấp lần đầu ngày 24/01/2024;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi vịt giống, quy mô 100.000 con vịt đẻ và 8.000.000 con vịt giống/năm” tại buôn Vân Kiều, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tại Biên bản phiên họp thẩm định ngày 09/7/2024 và Công văn số 2625/STNMT-MT ngày 18/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường “V/v thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án

Trang trại chăn nuôi vịt giống, quy mô 100.000 con vịt đẻ và 8.000.000 con vịt giống/năm tại buôn Vân Kiều, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk”;

Xét Công văn số 38/CVHT đề ngày 08/12/2024, Công văn số 39/CVHT đề ngày 09/01/2025 của Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Thắng về việc đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi vịt giống, quy mô 100.000 con vịt đẻ và 8.000.000 con vịt giống/năm” tại buôn Vân Kiều, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk và hồ sơ bổ sung ngày 09/01/2025.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 23/TTr-STNMT ngày 15/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi vịt giống, quy mô 100.000 con vịt đẻ và 8.000.000 con vịt giống/năm” tại buôn Vân Kiều, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Thắng (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Ea Kar;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- TTPV HCC của tỉnh;
- Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Thắng
(đ/c: Số 155 Lê Cao Lãng, phường Phú Thạnh,
Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ‘TRANG TRẠI CHĂN NUÔI VỊT GIỐNG, QUY MÔ
100.000 CON VỊT ĐẼ VÀ 8.000.000 CON VỊT GIỐNG/NĂM TẠI BUÔN
VÂN KIỀU, XÃ CƯ ELANG, HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK’**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: “Trang trại chăn nuôi vịt giống, quy mô 100.000 con vịt đẻ và 8.000.000 con vịt giống/năm”.

- Địa điểm thực hiện dự án: Buôn Vân Kiều, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Thắng.

- Địa chỉ liên lạc: Số 155 Lê Cao Lãng, phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

- Dự án đã được UBND tỉnh Đắk Lắk chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 24/01/2024.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi Dự án: Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi vịt giống trên diện tích đất là 123.059,4 m² tại thửa đất số 18, 32 tờ bản đồ số 63 và thửa đất số 53, 64, 71 tờ bản đồ số 64 thuộc Buôn Vân Kiều, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Quy mô sử dụng đất: Tổng diện tích đất là 123.059,4 m². Trong đó: Diện tích xây dựng các hạng mục công trình của dự án là 119.232,25 m²; diện tích đất để lại là 3.827,15 m² (Quy hoạch làm đường giao thông nông thôn của xã).

- Quy mô công suất: Chăn nuôi vịt giống, quy mô 100.000 con vịt đẻ và 8.000.000 con vịt giống/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất:

- Công nghệ chăn nuôi: Chăn nuôi vịt giống tập trung trên cạn an toàn sinh học bằng chuồng lạnh khép kín, có sử dụng đệm lót sinh học (Trấu). Thời gian 1 lứa nuôi khoảng 75 tuần (525 ngày).

- Quy trình chăn nuôi: Vịt con được nhập từ Anh (01 ngày tuổi) → Úm vịt (Đến 04 tuần tuổi; vịt mái và vịt trống được nuôi riêng) → Giai đoạn tăng trưởng (Nuôi vịt hậu bị từ 05-17 tuần tuổi; vịt mái và vịt trống được nuôi riêng) → Giai đoạn chuẩn bị đẻ (Từ tuần 18 đến tuần 23) → Giai đoạn vịt đẻ trứng (Từ tuần 24 đến khi loại đàn) → Trứng đạt chất lượng được chuyển sang khu vực ấp trứng; trứng không đạt tiêu chuẩn được loại bỏ.

- Quy trình ấp trứng: Trứng nhập về Kho tiếp nhận → Rửa trứng (Sử dụng dung dịch NaClO) → Kho lạnh bảo quản → Phân loại → Ấp trứng → Vịt con → Bán theo đơn đặt hàng (Đối với vịt con 01 ngày tuổi đạt tiêu chuẩn) và tiêu hủy (Đối với vịt đã chết hoặc vịt không đạt tiêu chuẩn).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án:

- Diện tích xây dựng công trình là 44.330,24 m². Trong đó:
 - + Khu Điều hành: Diện tích 908 m², gồm có: Nhà sát trùng xe (40 m²), nhà sát trùng nhân viên (40 m²), nhà bảo vệ (24 m²), nhà nghỉ ca (02 nhà, tổng diện tích 408 m²), căn tin và nhà ăn (120 m²), kho thuốc (24 m²), kho linh kiện (24 m²), văn phòng (60 m²), nhà vận hành hệ thống điện (168 m²).
 - + Khu chăn nuôi: Diện tích 43.422,24 m², gồm có: Khu ấp trứng (Diện tích 4.184 m²), khu chăn nuôi 1 (Diện tích 29.019,44 m²; bố trí 19 chuồng nuôi và các hạng mục công trình khác), khu chăn nuôi 2 (Diện tích 10.218,8 m²; bố trí 05 chuồng nuôi và các hạng mục công trình khác).
 - Diện tích khu xử lý chất thải là 8.216,23m², gồm có: công trình xử lý nước thải 7.481,23m²; khu lưu chứa, xử lý chất thải rắn 735m² (nhà chứa rác 135 m², 03 nhà phơi phân có tổng diện tích 540 m², hố hủy xác 60 m²).
 - Diện tích cây xanh, cây xanh cảnh quan, thảm cỏ là 56.528,53 m².
 - Diện tích sân bãi, đường nội bộ là 10.157,25 m².

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:

Chăn nuôi vịt giống tập trung với quy mô 100.000 con vịt đẻ và 8.000.000 con vịt giống/năm.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, san nền; vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị; thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng.
- Hoạt động khoan thăm dò khai thác nước dưới đất trong phạm vi Dự án.
- Các hoạt động nêu trên có khả năng tác động xấu đến môi trường như: phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại có khả năng ảnh hưởng đến đời sống của người dân và cảnh quan, môi trường, hệ thống giao thông khu vực Dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân; hoạt động sát trùng công nhân, sát trùng xe ra vào trại, dụng cụ chăn nuôi; hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của Dự án.

- Hoạt động chăn nuôi vịt và ấp trứng.
- Hoạt động tiêu hủy vịt chết, trứng vỡ; xử lý phân và nước thải, xử lý mùi hôi phát sinh.
- Hoạt động chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.
- Hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất.
- Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, khí thải, mùi hôi, nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi, chất thải nguy hại và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước dưới đất, sự cố cháy nổ, dịch bệnh, hệ thống xử lý nước thải ngừng vận hành hoặc vận hành không hiệu quả, ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường đất, nước, không khí khu vực Dự án; các sự cố có thể xảy ra do hoạt động khai thác nước dưới đất không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật gây ô nhiễm nước dưới đất, sụt lún bề mặt và cạn kiệt tài nguyên nước của khu vực.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

3.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng khoảng 6,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), TSS, tổng N, tổng P, dầu mỡ động thực vật, Coliform.
- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động rửa nguyên vật liệu, vệ sinh thiết bị, trộn bê tông tại công trường với lưu lượng khoảng 3,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, đất, cát...

3.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên, công nhân làm việc tại Dự án với lưu lượng khoảng 10 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), TSS, tổng N, tổng P, dầu mỡ động thực vật, Coliform.
- Nước thải chăn nuôi (Gồm có: Nước vệ sinh chuồng trại chăn nuôi vịt; nước vệ sinh khu vực ấp trứng; nước sát trùng công nhân và xe; nước làm mát chuồng trại, nước thải sau quạt hút mùi): Phát sinh với lưu lượng lớn nhất khoảng 109,26 m³/ngày đêm, gồm có:
 - + Nước làm mát chuồng trại (lưu lượng khoảng 9,5 m³/ngày đêm) và nước thải sau quạt hút mùi (lưu lượng khoảng 9,12 m³/ngày đêm) sẽ được tuần hoàn, tái sử dụng.
 - + Lượng nước thải được thu gom, đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung là 90,64 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải chăn nuôi: Các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), TSS, tổng N, tổng P, sunfua, Coliform.

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

3.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng, san nền, thi công các hạng mục công trình của Dự án và hoạt động bóc xêp, tập kết nguyên vật liệu, vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh bụi, khí thải với các thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSP, CO, NO_x, SO₂, VOC.

3.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động chăn nuôi vịt phát sinh chủ yếu là mùi hôi và các chất: H₂S, NH₃, CH₄, Mercaptan ...

- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 150 m³/ngày đêm) phát sinh mùi hôi và các chất: H₂S, NH₃, CH₄, Mercaptan ...

- Hoạt động xử lý, tiêu huỷ vịt chết, trứng vỡ nếu không được xử lý kịp thời có thể phát sinh mùi hôi và các chất gây mùi khác.

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển phát sinh chủ yếu là bụi và các chất: TSP, SO₂, NO_x, CO, VOCs.

3.3. Nguồn phát sinh, quy mô, thành phần của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

3.3.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại công trường phát sinh chất thải sinh hoạt khoảng 78 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, giấy, rau, củ, quả, thức ăn thừa ...

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại Dự án phát sinh chất thải sinh hoạt khoảng 60 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, giấy, rau, củ, quả, thức ăn thừa, kim loại ...

3.3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, thành phần của chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục công trình với khối lượng khoảng khoảng 143 tấn, trung bình khoảng 1,6 tấn/ngày; thành phần chủ yếu: vỏ bao xi măng; đất, đá, cát, rơm vãi; gạch vỡ; sắt thép vụn, ống nhựa, que hàn ...

- Thực bì phát sinh trong quá trình phát quang khoảng 6,8 tấn với thành phần chủ yếu là: thân, cành, lá cây.

- Khối lượng đất đào khoảng 8.065 m³ được tận dụng để san gạt, đắp trong khuôn viên Dự án, không chuyển ra bên ngoài Dự án.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn chăn nuôi: Phân vịt và vỏ trấu lót nền chuồng được thu gom 01 lần/lứa nuôi (gồm 19 chuồng nuôi; khoảng 75 tuần thu gom 01 lần).

+ Lượng phân vịt phát sinh khoảng 6.562,5 tấn/lứa nuôi (tương ứng 345,4 tấn/chuồng/lứa).

+ Lượng vỏ trấu lót nền chuồng khoảng 382,47 tấn/lứa nuôi (tương ứng 20,3 tấn/chuồng/lứa).

+ Vịt chết thông thường ước khoảng 5.000 con/lúa (tương ứng 12,5 tấn/lúa); vịt con chết sau áp với tỷ lệ 01%, khoảng 8.000.000 con/lúa (Tương ứng 8 tấn/năm).

+ Trứng bị vỡ khoảng 80.000 trứng/năm (tương ứng 48 tấn/năm).

+ Vỏ trứng (phát sinh từ khu vực ấp trứng) khoảng 880 kg/năm.

- Giấy làm mát tại dàn lạnh: phát sinh không thường xuyên với khối lượng 412 kg/lần thay (Định kỳ 7-10 năm thay 1 lần).

- Bùn thải: Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh khoảng 22 kg/ngày (8,03 tấn/năm); bùn từ bể biogas khoảng 75 kg/ngày (27,4 tấn/năm); bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 11,08 kg/ngày (4,04 tấn/năm).

3.4. Nguồn phát sinh, quy mô, thành phần của chất thải nguy hại:

a) *Giai đoạn thi công, xây dựng*: Phát sinh khoảng 180 - 315 kg. Thành phần chủ yếu là: dầu mỡ thải, giẻ lau có dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, cặn sơn....

b) *Giai đoạn vận hành*: Phát sinh với khối lượng khoảng 230 kg/năm. Thành phần chủ yếu là: các loại bao bì đựng hóa chất, bóng đèn huỳnh quang thải, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm dầu, dầu bôi trơn thải, pin, ắc quy thải ...

Ngoài ra, khi có dịch bệnh phát sinh, Dự án sẽ có phát sinh xác vịt chết do dịch bệnh, cần phải tiêu hủy, xử lý.

3.5. Tiếng ồn, độ rung:

3.5.1. *Giai đoạn thi công, xây dựng*: Phát sinh từ hoạt động san gạt, đào đắp; vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị; từ công tác gia cố nền móng; hoạt động thi công xây dựng trên công trường.

3.5.2. *Giai đoạn vận hành*: Phát sinh từ hoạt động chăn nuôi; quá trình vận hành máy móc, thiết bị phục vụ dự án; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của Dự án.

3.6. Các tác động khác:

3.6.1. *Giai đoạn thi công, xây dựng*:

- Tác động do nước mưa chảy tràn (Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích với lưu lượng lớn nhất khoảng 3,25 m³/giờ; thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là: chất rắn lơ lửng, đất, cát).

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển ảnh hưởng tới cơ sở hạ tầng, hoạt động giao thông, kinh tế-xã hội khu vực Dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố sạt lở, úng ngập, cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Hoạt động khoan thăm dò nước dưới đất có nguy cơ gây sụt, lún cục bộ, ô nhiễm nước dưới đất.

3.6.2. *Giai đoạn vận hành*:

- Tác động do nước mưa chảy tràn (Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích với lưu lượng lớn nhất khoảng 13,46 m³/giờ).

- Tác động đến cơ sở hạ tầng, hoạt động giao thông và kinh tế-xã hội khu vực dự án.

- Quá trình vận hành Dự án có nguy cơ xảy ra sự cố do rủi ro; sự cố hệ thống xử lý nước thải, sự cố rò rỉ nước thải, sự cố rò rỉ khí biogas; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; sự cố do phát sinh và lây lan dịch bệnh trên gia cầm.

- Hoạt động khai thác nước dưới đất có nguy cơ gây sụt, lún cục bộ, ô nhiễm nước dưới đất và cạn kiệt tài nguyên nước ngầm của khu vực.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Lắp đặt nhà vệ sinh di động (Dung tích bồn chứa khoảng 03 m³) để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân tại công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể; không xả thải ra môi trường.

- Thu gom nước thải xây dựng vào hố lắng trên công trường, sau đó được tái sử dụng để vệ sinh phương tiện vận chuyển, làm ẩm vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển.

b) Giai đoạn vận hành:

(1) Quy trình thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ (Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn; nước thải từ khu nhà bếp được dẫn qua bể tách dầu mỡ; nước thải từ các hoạt động sinh hoạt khác được thu gom, dẫn qua song chắn rác) → Hố thu → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Bùn thải từ bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

+ Xây lắp 10 bể tự hoại, dung tích mỗi bể là 04 m³.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi:

+ Nước thải từ khu vực chăn nuôi (Nước vệ sinh sàn chuồng khoảng 76 m³/ngày đêm; nước vệ sinh khu vực ấp trứng 12,8 m³/ngày đêm) và nước thải sát trùng công nhân và xe (khoảng 1,84 m³/ngày đêm): Được thu gom về hố gom (Gồm có 02 hố, mỗi khu chăn nuôi bố trí 01 hố gom) → lọc rác tinh → Bể biogas → Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 150 m³/ngày đêm) để xử lý.

+ Nước thải vệ sinh trứng tại khu vực ấp trứng (Khoảng 04 m³/ngày đêm): Được thu gom theo đường ống ngầm PVC D300 mm → Bể thu gom → Hệ thống xử lý nước thải vệ sinh trứng (công suất 04 m³/ngày đêm) để xử lý.

+ Nước làm mát chuồng trại (Khoảng 9,5 m³/ngày): sau khi qua tấm làm mát sẽ chuyển về hệ thống ống máng nước, sau đó theo đường ống dẫn về bể chứa để tiếp tục tuần hoàn, tái sử dụng vào quy trình làm mát chuồng trại.

+ Nước sau quạt hút để khử mùi tại chuồng nuôi (khoảng 9,12 m³/ngày): một phần sẽ bay hơi, phần còn lại sẽ được thu gom bằng máng nước đặt dưới chân lưới và tuần hoàn, tái sử dụng cho lần phun tiếp theo.

- Hệ thống ống dẫn thu gom nước thải (từ chuồng nuôi, khu ấp trứng và khu vực khử trùng) đến các bể thu gom được thiết kế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và không trùng với đường ống thoát nước khác; có tạo độ dốc để dễ thoát nước.

(2) Quy trình, công nghệ xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung (Công suất 150 m³/ngày đêm):

+ Nước thải (Gồm có: Nước thải vệ sinh thu gom từ khu vực chăn nuôi, nước thải sát trùng công nhân và xe, nước thải sinh hoạt đã được xử lý sơ bộ) có tổng lưu lượng khoảng 90,64 m³/ngày đêm → Hồ gom (Gồm có 02 hồ, mỗi khu chăn nuôi bố trí 01 hồ gom) → Bể biogas (gồm có 02 bể, mỗi khu chăn nuôi bố trí 01 bể biogas) → Bể điều hoà (Dung tích 2.574 m³) → Bể Anoxic (gồm có 02 bể; dung tích 58,9 m³/bể) → Bể MBBR (gồm có 02 bể; dung tích 94,25 m³/bể) → Bể Aerotank (Dung tích 76,56 m³) → Bể lắng vi sinh (Dung tích 58,2 m³) → Bể trung gian (Dung tích 23,1 m³) → Hồ trung gian (Dung tích 810 m³) → Cụm bể keo tụ - tạo bông (Dung tích 09 m³) → Bể lắng hóa lý (Dung tích 50 m³) → Bể khử trùng (Dung tích 20,2 m³) → Bồn lọc (vật liệu Inox; Kích thước: đường kính 0,9 m x chiều cao 2,5 m) → Hồ chứa sau xử lý (Có lót bạt HDPE; dung tích 22.295 m³; nước thải đảm bảo đạt QCVN 62- MT:2016/BTNMT, Cột B và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT) → Tái sử dụng tưới gốc cho cây trồng trong phạm vi dự án theo quy định, không xả nước thải ra môi trường.

+ Bố trí hồ sự cố (Dung tích 1.680 m³; có lót bạt HDPE) để ứng phó với sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Hệ thống xử lý nước thải vệ sinh trứng (Công suất 04 m³/ngày đêm):

+ Nước thải vệ sinh trứng (Lưu lượng khoảng 04 m³/ngày đêm) → Hồ thu → Bể điều hoà (Kết cấu bê tông cốt thép; dung tích 38,25 m³) → Bể trung gian 1 (Kết cấu bê tông cốt thép; dung tích 12 m³) → Bể keo tụ - tạo bông (Kết cấu bê tông cốt thép; dung tích 0,5 m³) → Bể lắng hóa lý (Kết cấu bê tông cốt thép; dung tích 02 m³) → Bể trung gian 2 (Kết cấu bê tông cốt thép; dung tích 0,5 m³) → Hồ chứa nước thải sau xử lý (Nước thải đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải được thu gom, quản lý theo quy định pháp luật.

(3) Khả năng lưu chứa nước thải trong mùa mưa: Lượng nước lưu chứa trong các hồ trong 06 tháng mùa mưa ước tính khoảng 10.420,87 m³ (Trong đó: lượng nước thải phát sinh 18.115,2 m³; lượng nước mưa chứa trong hồ 5.962,6 m³; lượng nước bốc hơi là 13.656,93 m³). Hồ chứa nước (có dung tích 22.295 m³) sẽ đảm bảo sức chứa nước thải trong 06 tháng mùa mưa.

(4) Diện tích tưới gốc cho cây trồng là 56.528,53 m², gồm có: thảm cỏ, cây xanh (cây ăn trái và các loại cây cao tán khác). Phương pháp tưới bằng bơm cưỡng bức đến gốc cây trồng; chỉ thực hiện tưới gốc cho cây trồng trong phạm vi

dự án; nước thải chăn nuôi sử dụng tưới gốc cho cây trồng phải bảo đảm đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT và đã được hợp chuẩn, hợp quy theo đúng quy định; không xả nước thải ra môi trường.

(5) Các hạng mục của công trình xử lý nước thải được thiết kế kiên cố, có chống thấm, đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải sau xử lý, chống được nước mưa chảy tràn vào hồ và chống rò rỉ nước thải sau xử lý ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Lắp đặt đồng hồ hoặc thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của 02 hệ thống xử lý nước thải. Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát; đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định. Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 150 m³/ngày đêm) đảm bảo đạt QCVN 62-MT: 2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B) và QCVN 01-195:2022/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng sẽ lưu chứa tại hồ chứa nước thải và được tuần hoàn, tái sử dụng để tưới gốc cây trồng trong phạm vi Dự án theo đúng quy định của pháp luật; nước thải sau hệ thống xử lý nước thải vệ sinh trứng (công suất 04 m³/ngày đêm) đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) được Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định; không được phép xả nước thải ra môi trường dưới bất kỳ hình thức nào.

- Đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn thi công:

- Ưu tiên xây dựng trước đối với hạng mục tường rào bao quanh dự án để giảm thiểu tác động của quá trình xây dựng tới khu vực lân cận.

- Tận dụng lượng đất đá thải để san lấp mặt bằng; không vận chuyển ra ngoài khu vực dự án.

- Sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước tưới ẩm nhằm giảm thiểu lượng bụi trên công trường với tần suất 01 lần/ngày vào những ngày trời không mưa.

- Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng phù hợp, có phủ bạt che chắn tránh phát tán gây ô nhiễm bụi.

b) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn vận hành:

- Giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn từ các phương tiện vận tải và máy móc, thiết bị hoạt động tại Dự án:

+ Bê tông hóa các tuyến đường giao thông nội bộ; đảm bảo khoảng cách từ đường vào chuồng nuôi hợp lý. Thường xuyên vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ; kiểm tra và sửa chữa khu vực sân, đường bị xuống cấp có khả năng phát sinh bụi.

+ Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị hoạt động tại Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị theo quy định.

+ Các phương tiện vận tải (vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, chất thải chăn nuôi) được phủ bạt kín để hạn chế rơi vãi nguyên vật liệu hoặc phát tán chất thải ra môi trường; chở đúng tải trọng quy định.

+ Khu vực tiếp nhận nguyên vật liệu, xuất sản phẩm được bố trí thuận tiện cho các phương tiện vận tải ra vào Dự án; hạn chế các phương tiện vận chuyển phải chạy qua lại nhiều trong các khu chức năng trong khi hoạt động.

- Giảm thiểu bụi, khí thải, mùi hôi, tiếng ồn từ quá trình chăn nuôi:

+ Chuồng trại chăn nuôi được thiết kế thông thoáng, lắp đặt hệ thống lạnh và kín, đảm bảo các quy định về an toàn kỹ thuật trong chăn nuôi và khả năng thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Sử dụng silo tự động vận chuyển thức ăn vào các máng ăn, sử dụng máng ăn tiết kiệm.

+ Thiết kế dãy chuồng nuôi tại vị trí cuối hướng gió; lắp đặt 228 quạt hút mùi sau 19 dãy chuồng (12 quạt hút mùi/dãy chuồng) và đảm bảo vị trí lắp đặt quạt hút mùi không nằm tại vị trí có hướng gió chủ đạo. Phía sau mỗi quạt hút sẽ lắp đặt 01 béc phun sương (Sử dụng dung dịch Microbe-Lift OC-IND phun liên tục với thời gian là 06 giờ/ngày; phun 04 lần/ngày để khử mùi hôi trong chuồng; liều lượng sử dụng là 10 lít dung dịch/béc phun). Thực hiện lắp đặt tấm làm mát cho từng chuồng nuôi và tưới nước phun sương tự động liên tục 06 giờ/ngày để giảm thiểu mùi hôi tại các khu chuồng nuôi. Nước đi qua đường ống dưới áp lực của bơm vào tấm làm mát tạo thành nước phun; không khí khô và nóng đi qua tấm làm mát dưới áp lực của quạt, hơi nóng được giữ lại, đảm bảo ổn định nhiệt độ chuồng.

+ Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh và phòng chống dịch bệnh theo quy trình chăn nuôi.

+ Phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh; định kỳ phun thuốc sát trùng, diệt muỗi, côn trùng, vi sinh vật gây bệnh xung quanh khu chăn nuôi và trong khuôn viên Dự án theo đúng quy trình chăn nuôi vệt an toàn sinh học, vệ sinh thú y (02 lần/tuần).

+ Bố trí hố tiêu hủy (Kích thước: 3m x 20m x 3m) tại khu vực cây xanh của Trang trại; phun chế phẩm sinh học EM Fert và trồng cây xanh xung quanh khu vực bố trí hố tiêu hủy xác để hạn chế mùi hôi phát sinh và phát tán ra môi trường xung quanh.

- Giảm thiểu khí thải, mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải:

+ Hệ thống thu gom nước thải là ống nhựa PVC, thiết kế hệ thống có độ dốc phù hợp để tránh hiện tượng ứ đọng nước thải, gây mùi hôi.

+ Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng đúng thiết kế, vận hành đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên theo dõi, xử lý sự cố xảy ra, giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động gây ảnh hưởng môi trường không khí xung quanh.

+ Kiểm soát mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải thông qua thiết kế hầm biogas (phủ kín bằng bạt HDPE) và các bể xử lý (đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường); dùng chế phẩm sinh học Microbe-Lift Biogas cho bể biogas để xử lý mùi hôi và thúc đẩy quá trình oxy hóa các chất hữu cơ.

+ Lắp đặt hệ thống thu hồi khí biogas dư từ bể biogas và đưa vào buồng đốt để đốt bỏ: Khí biogas dư → Buồng đốt → Tháp giải nhiệt → Tháp hấp thụ bằng dung dịch Ca (OH)₂ → Thoát ra ngoài (Khí thải đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT).

+ Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của bể biogas và hệ thống xử lý nước thải nhằm hạn chế tối đa các sự cố có thể xảy ra.

- Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ quá trình lưu chứa phân vịt: Phân vịt và trấu lót sàn chuồng được thu gom sẽ phối trộn với chế phẩm Trichoderma và chế phẩm EM, sau đó đóng trong bao chuyển sang nhà chứa phân, phơi phân và bán cho các đơn vị có nhu cầu. Xung quanh khu vực lưu chứa phân sẽ phun dung dịch Microbe-Lift OC-IND để giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng: Chủ dự án cam kết đầu tư máy phát hiện đại có tích hợp hệ thống xử lý khí thải đi kèm với máy và sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp. Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy phát điện để phát hiện sự cố và có biện pháp giải quyết kịp thời.

- Các biện pháp khác: Xây dựng tường rào và dải cây xanh bao quanh khu vực Dự án để tạo hành lang chắn gió, ngăn phát tán mùi với xung quanh; trồng cây xanh xung quanh khu vực xây dựng hầm tiêu hủy vịt chết, hệ thống xử lý nước thải, hồ chứa nước và vị trí có phát sinh mùi hôi trong phạm vi Dự án; đảm bảo tỉ lệ cây xanh và khoảng cách an toàn môi trường đáp ứng quy định (Diện tích cây xanh là 56.528,53m²; gồm: thảm cỏ, cây xanh cảnh quan, cây ăn trái và cây cao tán khác).

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện phun chế phẩm sinh học tại những vị trí có phát sinh mùi hôi với tần suất phù hợp.

- Tiến hành trồng cây xanh với mật độ đảm bảo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng xung quanh các công trình bảo vệ môi trường có phát sinh mùi hôi và tại những vị trí thích hợp để tạo cảnh quan và hạn chế mùi hôi, khí bụi, tiếng ồn ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Bố trí 02 thùng nhựa có nắp đậy (loại 100 lít) để lưu chứa tạm thời chất thải không có khả năng tái chế, sau đó chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án; bố trí 02 thùng nhựa có nắp đậy (loại 100 lít) để lưu chứa chất thải có thể tái chế, sau đó bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Đối với thực bì thu gom từ quá trình phát quang: Thân cây lớn sẽ cho các hộ dân trong vùng tận dụng làm củi đốt; cành là và thân cây nhỏ, cỏ dại được chôn lấp trong khu vực dự án.

- Lượng đất, đá thải được tận dụng vào san lấp mặt bằng tại Dự án; không vận chuyển ra ngoài khuôn viên Dự án. Toàn bộ chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải có nguồn gốc hữu cơ các loại (Rau củ, hoa quả, thực phẩm thừa ...): Lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy (Loại 60 lít) đặt tại khu nhà ở của công nhân, khu nhà bếp và tuyến đường nội bộ, sau đó được chôn lấp hợp vệ sinh tại khu vực phía Đông của Dự án. Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị hoạt động dịch vụ công ích môi trường của địa phương thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định (nếu có).

+ Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Thu gom, lưu chứa trong thùng chứa (Loại dung tích 120 lít) và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải chăn nuôi:

+ Phân vịt và trâu lốt sần chuồng được thu gom, phối trộn với chế phẩm Trichoderma và chế phẩm EM, sau đó đóng vào bao, chuyển sang lưu chứa tại nhà chứa phân, phơi phân và bán cho các đơn vị có nhu cầu.

+ Vịt chết thông thường: Được thu gom, chuyển về hồ hủy xác tại khu vực cây xanh của Trang trại. Hồ hủy xác được thiết kế với kết cấu bê tông, có nắp đậy và được chống thấm (kích thước: 3 m x 20 m x 3 m); quy trình chôn lấp thực hiện theo đúng quy định tại QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; phun chế phẩm sinh học EM Fert để tăng hiệu quả xử lý và hạn chế mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh.

+ Trứng bị đập, vỡ: Được thu gom vào các thùng chứa (loại 120 lít) đặt tại ngăn chứa chất thải thông thường; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Vỏ trứng sau khi ấp: Được xay thành bột bằng máy xay vỏ trứng, sau đó được đóng bao loại 25 kg, thu gom vào thùng chứa vỏ trứng (loại 120 lít) và đặt

trong ngăn chứa chất thải thông thường; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Bùn thải: Được thu gom định kỳ và quản lý theo quy định pháp luật về quản lý chất thải rắn.

+ Bùn thu gom từ bể tự hoại và hầm hủy xác là chất thải rắn thông thường được thuê đơn vị có chức năng định kỳ bơm hút trực tiếp lên bồn chứa trên phương tiện của đơn vị bơm hút bùn để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Bùn thải thu gom từ bể biogas (Được thu gom định kỳ 06 tháng/lần) → nhà phơi phân và thu gom, xử lý như chất thải công nghiệp thông thường.

+ Bùn thải thu gom từ bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (Được thu gom định kỳ 06 tháng/lần) → Bể chứa bùn → Thực hiện phân định, phân loại theo QCVN 50:2013/BTNMT và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác phát sinh từ hoạt động Dự án được phân loại và tập kết tại ngăn chứa chất thải rắn thông thường; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải chăn nuôi được vận chuyển theo đường vận chuyển riêng, đảm bảo các quy định về an toàn, vệ sinh môi trường.

- Công trình: Nhà chứa phân, phơi phân (Gồm có 03 nhà; diện tích mỗi nhà là 180 m²); bể chứa bùn (Dung tích 23,1 m³; kết cấu bê tông cốt thép, chống thấm); sân phơi bùn (Diện tích 49,8 m²; kết cấu bê tông cốt thép, chống thấm); ngăn chứa chất thải rắn thông thường tại nhà chứa rác (Diện tích 67,5 m²).

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Chất thải rắn chăn nuôi được thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác”. Phải đảm bảo toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, quản lý; đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Thu gom, phân loại CTNH và lưu chứa trong các thùng có nắp đậy đặt trong kho chứa tạm thời CTNH trên công trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện thu gom, phân loại, quản lý CTNH theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Toàn bộ CTNH phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom, phân loại và lưu giữ các thùng chứa có nắp đậy (Có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã CTNH, ký hiệu và tên từng loại CTNH); đặt trong ngăn chứa CTNH tại nhà chứa rác (Diện tích 67,5 m²). Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định pháp luật.

- Đối với vịt chết do dịch bệnh:

+ Chủ dự án chủ động thông báo với chính quyền địa phương và các cơ quan ban ngành có liên quan; phối hợp thực hiện các biện pháp khống chế dịch và xử lý xác lợn nhiễm bệnh theo đúng các quy định của chính quyền địa phương và cơ quan chức năng có thẩm quyền. Áp dụng đúng biện pháp xử lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục Thú y. Tuân thủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

+ Bố trí diện tích đất dự phòng 1.000 m² tại khu vực trồng cây xanh (cách khu chăn nuôi số 2 khoảng 20 m về phía Nam) để xử lý, tiêu hủy vịt chết do dịch bệnh bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh; đảm bảo các quy định pháp luật về thú y và bảo vệ môi trường.

c) *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các phương tiện vận tải đảm bảo thông số kỹ thuật.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận truyền động bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị giảm thanh, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

4.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Định kỳ bảo dưỡng và bố trí thời gian hoạt động phù hợp của các thiết bị, phương tiện; hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm.

- Lắp đặt máy phát điện đúng quy trình kỹ thuật để giảm ồn, chống rung và định kỳ vệ sinh, tra dầu mỡ.

- Bố trí hàng rào bao quanh Dự án, trồng dải cây xanh cách ly dọc theo tường rào; đảm bảo diện tích và mật độ trồng cây xanh; chuồng trại được thiết kế kín do vậy đã giảm thiểu được tác động do tiếng ồn từ các hoạt động chăn nuôi.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên

quan; bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình triển khai, vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tiến hành đào các mương đất và các hố lắng đất tạm thời để thu gom nước mưa chảy tràn trên mặt bằng khu đất trước khi thoát vào suối cạn phía Đông Nam dự án. Đồng thời, ưu tiên đầu tư xây dựng trước hệ thống mương dẫn nội bộ, hố gas, cống thu gom nước mưa chảy tràn theo thiết kế được duyệt.

- Xây dựng mương thu gom nước mưa trong khu vực dự án và tạo đường dẫn thoát nước theo điều kiện địa hình về suối cạn cách dự án 550 m về phía Đông Nam; không để xảy ra tình trạng ú đọng, ngập úng khu vực dự án và vùng gần kề.

- Tổ chức thi công theo hình thức cuốn chiếu; thường xuyên dọn dẹp mặt bằng thi công; tập kết nguyên vật liệu theo tiến độ thi công, che chắn các khu vực tập kết nguyên vật liệu để tránh bị nước mưa cuốn trôi.

b) Giai đoạn vận hành:

- Nước mưa trên mái nhà được thu gom vào các ống PVC D114 mm, sau đó gom về mương thoát nước nội bộ của Dự án → thoát nước theo địa hình.

- Nước mưa chảy tràn trên mặt đất tại khu vực xây dựng các hạng mục công trình → hệ thống mương thoát nước nội bộ → hố ga → mương dẫn → thoát nước theo địa hình.

- Hệ thống thu gom nước mưa được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom nước thải, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật về tiêu thoát nước.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông dòng chảy tại mương thoát nước.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án và tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải; đảm bảo toàn bộ nước mưa chảy tràn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của Dự án đều được thu gom, lắng lọc trước khi thoát ra môi trường, không gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực Dự án và vùng lân cận.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án, giảm thiểu nguy cơ gây úng ngập do việc thực hiện Dự án.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động từ việc khai thác nước dưới đất:

- Lập hồ sơ thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất trình cấp có thẩm quyền xem xét, cấp phép. Thiết kế, lập đề án thăm dò, thi công đề án, lắp đặt công trình khai thác theo quy định và tuân thủ giấy phép khai thác được cấp.

- Thực hiện khai thác nước dưới đất đúng lưu lượng, chế độ khai thác theo giấy phép khai thác được cấp; chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quan trắc, giám sát mực nước, lưu lượng khai thác, phân tích chất lượng nước và báo cáo định kỳ quá trình khai thác theo quy định của pháp luật tài nguyên nước.

- Các giếng khoan được gia cố và bảo vệ, có các công trình ngăn không cho nước bề mặt rò rỉ vào và các chất ô nhiễm xâm nhập vào nước dưới đất.

- Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo đúng quy định.

4.4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động của dự án tới kinh tế - xã hội:

Ưu tiên sử dụng lao động địa phương; tuyên truyền nâng cao ý thức của cán

bộ công nhân viên; phối hợp với cơ quan chức năng, đảm bảo an ninh trật tự; tu sửa các đoạn đường bị hư hỏng do hoạt động của Dự án (nếu có); hoàn trả lại mặt bằng diện tích đất đã chiếm dụng ngay sau khi kết thúc thi công

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

4.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

a) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án.

- Thực hiện nghiêm các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

b) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường; tổ chức đội cứu hộ để sơ cứu tại chỗ trong trường hợp xảy ra tai nạn; bố trí trang thiết bị cần thiết để vận chuyển người bị nạn tới cơ sở y tế.

c) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng:

Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

4.5.2. Giai đoạn vận hành dự án:

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về nước thải:

- Xây dựng, hoàn thiện các công trình xử lý nước thải theo đúng thiết kế, cao độ xây dựng công trình; bể điều hòa được thiết kế có thời gian lưu nước là 17,16 ngày, giúp ổn định lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải trước khi sang các bể xử lý tiếp theo và phòng ngừa khi có sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố khi vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, toàn bộ nước thải chưa xử lý được bơm về hồ sự cố (Dung tích là 1,680 m³, có thể lưu chứa nước thải trong 10 ngày; chống thấm bằng bạt HDPE; kích thước: 28 m x 10 m x 6 m) và tiến hành tạm dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, bơm nước từ hồ sự cố trở lại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý; đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi chuyên qua hồ chứa nước thải sau xử lý để tái sử dụng theo đúng quy định của pháp luật, không xả nước thải ra môi trường. Hồ sự cố phải đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hầm biogas:

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế bể biogas, sử dụng nguyên liệu bạt HDPE đúng quy cách và phù hợp với quy mô của bể biogas. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống đường ống dẫn khí biogas đảm bảo khí gas không bị rò rỉ, xảy ra sự cố cháy nổ. Định kỳ kiểm tra, gia cố lớp bạt phủ biogas bên trên bể để kịp thời phát hiện các lỗ một rò rỉ khí và tiến hành sửa chữa kịp thời. Bố trí các biển báo “cấm lửa” xung quanh khu vực bể biogas, thực hiện nghiêm nội quy làm việc xung quanh khu vực hệ thống biogas.

+ Lắp đặt đường ống thu gom khí biogas phát sinh từ bể biogas và dẫn về thiết bị đốt bỏ để phòng ngừa các trường hợp cháy, nổ ngoài ý muốn. Vận hành hệ thống đốt bỏ khí biogas có kiểm soát theo kỹ thuật vận hành của nhà sản xuất. Có chế độ bảo dưỡng và kiểm tra, thay thế linh kiện định kỳ đối với các bộ phận đồng hồ đo áp suất, bộ chống cháy, bộ chống lửa, van cấp khí,...

- Trường hợp xảy ra sự cố vỡ, bục, rò rỉ bể biogas, tiến hành sửa chữa hoặc thay thế vật liệu phủ khác cho bể.

b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về điện, cháy nổ:

- Ban hành và giám sát thực hiện các nội quy làm việc tại Dự án (Gồm có: nội quy ra, vào Dự án; nội quy về an toàn lao động và sử dụng thiết bị; nội quy về an toàn điện, phòng chống cháy nổ).

- Đảm bảo hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống máy bơm chữa cháy được lắp đặt, vận hành đúng theo thiết kế kỹ thuật; trang bị đầy đủ các bình chữa cháy nhỏ và các vật liệu khác (như cát, thang chữa cháy ...) để chủ động ứng phó khi có sự cố cháy nổ.

- Lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét tại khu vực chăn nuôi, văn phòng theo đúng tiêu chuẩn về chống sét cho các công trình xây dựng.

- Các trang thiết bị về điện được kiểm tra, bảo trì theo quy định; bảo đảm tiêu chuẩn an toàn điện, không gây nguy hiểm cho người sử dụng.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của bể biogas, hệ thống thu khí biogas nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời khả năng rò rỉ khí và các nguy cơ gây mất an toàn khác.

c) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động và vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc tại Dự án.

d) Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố lây lan dịch bệnh:

- Bố trí khu vực sát trùng cho người và các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án.

- Phun thuốc sát trùng khu chuồng trại, vệ sinh thức ăn, nước uống, dụng cụ chăn nuôi; phun định kỳ thuốc diệt côn trùng và vi sinh vật gây bệnh (01 tuần/lần), vào mùa mưa phun tăng cường 04-05 ngày/lần.

- Tuân thủ kế hoạch tiêm phòng bệnh dịch và các quy định về an toàn, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi.

- Đối với các trường hợp vịt chết do nghi ngờ bệnh có thể lây lan (bệnh trong và ngoài danh sách các bệnh truyền nhiễm theo quy định), Chủ dự án phải báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn và xử lý, đảm bảo tuân thủ nghiêm QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

- Áp dụng các nguyên tắc, quy định về phòng chống dịch bệnh và an toàn vệ sinh môi trường trong chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

- Đăng ký xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dịch bệnh động vật theo quy định.

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng:

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong quá trình triển khai xây dựng.

- Vị trí: 02 điểm (Tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động xây dựng của Dự án, giáp ranh Dự án về phía cuối hướng gió).

- Thông số: Tiếng ồn, độ rung, bụi tổng số, CO, SO₂, NO₂.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc

gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi khi phát sinh chất thải) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chất thải nguy hại phải được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ (Lồng ghép trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Dự án), báo cáo đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.1.3. Giám sát khác:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng Dự án.

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Công tác PCCC, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ sạt lở, sụt lún, sạt lở, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường có thể xảy ra.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

5.2. Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án:

Việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án phải tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án:

5.3.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần (Giám sát trong điều kiện dự án đang hoạt động chăn nuôi).

- Vị trí: 03 điểm (Tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động của Dự án về phía cuối hướng gió; cách khoảng 30 m đối với khu chuồng nuôi, khu vực xử lý nước thải, khu vực chứa phân).

- Thông số: Tiếng ồn, Bụi tổng số, CO, SO₂, NH₃, H₂S, NO₂, CH₄.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.3.2. Giám sát nước thải:

Thực hiện giám sát nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và theo Giấy phép môi trường.

a) *Giám sát đối với nước thải trước khi xử lý (Đầu vào của 02 hệ thống xử lý nước thải):*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 03 điểm (02 điểm tại 02 hồ gom của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm; 01 điểm tại bể thu gom của Hệ thống xử lý nước thải vệ sinh trứng công suất 04 m³/ngày đêm).

- Thông số: Theo dõi lưu lượng, nhiệt độ.

b) *Giám sát đối với nước thải sau khi xử lý (Đầu ra của 02 Hệ thống xử lý nước thải):*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại hồ chứa nước thải.

+ Thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ, Tổng Coliforms, Clorua (Cl⁻), Asen (As), Cadimi (Cd), Crom tổng (Cr), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Tổng Coliforms, E.coli.

+ - Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi (Cột B) và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

- Đối với Hệ thống xử lý nước thải vệ sinh trứng công suất 04 m³/ngày đêm:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại hồ chứa nước thải (Đầu ra của bể trung gian 2).

+ Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni, tổng N, Tổng Coliforms.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B).

5.3.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Nhà chứa phân, phơi phân; khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường khác và khu vực tiêu hủy vệt chết không do dịch bệnh.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện

pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (Theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.3.4. Giám sát chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao chất thải cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại; khu vực tiêu hủy vệt chết do dịch bệnh.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chất thải nguy hại phải được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ (Lồng ghép trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Dự án), báo cáo đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.3.5. Giám sát chất lượng nước dưới đất:

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm (Giếng khoan của Dự án).

- Thông số giám sát: pH, độ đục, Độ cứng tổng số (theo CaCO_3), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Amôni (NH_4^+ tính theo N), Nitrat (NO_3^- tính theo N), Nitrit (NO_2^- tính theo N), Clorua (Cl^-) Florua (F^-), Sắt (Fe), Cadimi (Cd), Asen (As), Coliform, E. Coli.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.3.6. Giám sát nguy cơ về dịch bệnh:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

- Vị trí giám sát: Khu vực chăn nuôi; khu vực tiêu hủy, chôn lấp vệt chết.

- Nội dung giám sát: Công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y và tiêu hủy vệt chết (Do dịch bệnh và không do dịch bệnh).

- Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn pháp luật hiện hành về chăn nuôi, thú y và bảo vệ môi trường.

5.3.7. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Môi trường lao động; công tác phòng cháy, chữa cháy, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động; công tác phòng chống dịch bệnh, nguy cơ lan truyền bệnh, vệ sinh thú y và tiêu hủy vệt chết (do dịch bệnh và không do dịch bệnh); các nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước thải và nước mưa; hoạt động vận hành hệ thống nước thải và các giám sát khác theo quy định của pháp luật; cập nhật thông tin giám sát vào Sổ nhật ký để theo dõi.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước, chăn nuôi và thú y. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng theo đúng quy định pháp luật. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc tọa độ của Dự án.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của Dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng.

6.4. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng biện pháp về công nghệ để giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do chất thải và mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, khu vực lưu chứa và xử lý chất thải của Dự án. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình triển khai, vận hành Dự án.

6.5. Xây dựng các công trình xử lý chất thải; mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo đúng quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

6.6. Thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B) và QCVN 01-

195:2022/BNNPTNT trước khi tái sử dụng để tưới gốc cho cây trồng trong khuôn viên Dự án theo quy định pháp luật và thực hiện công bố hợp quy theo quy định tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Riêng đối với nước thải vệ sinh trứng, Chủ dự án phải thực hiện đúng nội dung đã cam kết (Chủ dự án sẽ thu gom, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định); không được phép xả nước thải ra môi trường dưới bất kỳ hình thức nào.

6.7. Đảm bảo khoảng cách, hành lang an toàn trong khu vực dự án và các đối tượng xung quanh, đảm bảo an toàn lộ giới theo đúng quy định của pháp luật. Bố trí lối đi riêng để thuận lợi trong hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường tại Dự án.

6.8. Tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định hiện hành về tài nguyên nước liên quan đến việc thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; chỉ được khai thác, sử dụng nước dưới đất phục vụ Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, chấp thuận theo quy định của pháp luật; thực hiện khai thác với lưu lượng phù hợp với trữ lượng nước dưới đất tại khu vực được phê duyệt, phù hợp với Giấy phép khai thác được cấp.

6.9. Việc chôn lấp, tiêu hủy vật nuôi chết do dịch bệnh phải được thực hiện theo quy định QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật. Báo cáo, phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan chức năng khi xảy ra dịch bệnh để tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các yêu cầu, quy định về an toàn trong chăn nuôi, thú y và vệ sinh môi trường, lây lan dịch bệnh.

6.10. Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng chống cháy nổ. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường; cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động triển khai của Dự án và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.11. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành Dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện nghiêm chương trình quản lý, giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.12. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện Dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường./.